

Số: /TB-UBND

Chi Lăng Nam, ngày tháng 9 năm 2023

THÔNG BÁO

V/v công khai danh mục TTHC sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tài nguyên & Môi trường

Thực hiện Quyết định số 1981/QĐ-UBND ngày 16/09/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường; Công văn số 2059/UBND-VP ngày 18/09/2023 của UBND huyện Thanh Miện về việc công khai Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở TN&MT;

Ủy ban nhân dân xã Chi Lăng Nam thông báo như sau:

1. Niêm yết công khai 25 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc lĩnh vực đất đai tại Bộ phận Một cửa, trang thông tin điện tử xã.

(Có phụ lục kèm theo)

2. Giao Công chức Địa chính - Xây dựng và Môi trường phối hợp với công chức liên quan tiến hành niêm yết công khai 25 TTHC sửa đổi, bổ sung thuộc lĩnh vực đất đai nêu trên tại Bộ phận Một cửa và trên trang thông tin điện tử xã.

Trên đây là Thông báo niêm yết công khai danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Văn phòng HĐND-UBND huyện;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Trang Thông tin điện tử xã;
- Đài truyền thanh xã;
- Cán bộ, công chức có liên quan;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Minh

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Thông báo số 194/TB-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Chủ tịch UBND xã)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	15 ngày làm việc (đối với các xã miền núi, thời hạn giải quyết được cộng thêm không quá 05 ngày)	<p>1. Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hải Dương: Đối với Tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư</p> <p>2. Bộ phận một cửa cấp huyện hoặc cấp xã Đối với Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam</p>	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ; - Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ; - <i>Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính Phủ</i> - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - <i>Thông tư 02/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</i> - Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
2	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.	03 ngày làm việc (đối với các xã miền núi, thời hạn giải quyết được cộng thêm không quá 05 ngày)	<p>1. Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hải Dương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với Tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư - Đối với Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam <p>2. Bộ phận một cửa cấp huyện hoặc cấp xã:</p> <p>Đối với Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chi tiết tại Điểm 5, Mục I, Phụ biểu 1. - Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chi tiết tại Điểm 2, Mục II, Phụ biểu 1. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; - Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ; - <i>Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính Phủ;</i> - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - <i>Thông tư 02/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</i> - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; - Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam		- Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.
3	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất	07 ngày làm việc đối với trường hợp thay đổi thông tin về người sử dụng đất 10 ngày làm việc đối với trường hợp còn lại. (đối với các xã miền núi, thời hạn giải quyết được cộng thêm không quá 05 ngày)	1. Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hải Dương: - Đối với Tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư - Đối với Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam 2. Bộ phận một cửa cấp huyện hoặc cấp xã:	- Phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chi tiết tại Điểm 5, Mục I, Phụ biểu 1. - Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chi tiết tại Điểm 2, Điểm 3, Mục II, Phụ biểu 1.	- Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ; - Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ; - Nghị định 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ; - Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính Phủ; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 88/2016/TTLT-BTNMT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận.		Đối với Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam		<p>Chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - <i>Thông tư 02/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</i> - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương. - Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh; - <i>Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.</i>
4	Đăng ký xác lập quyền sử dụng đất hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký	10 ngày làm việc (đối với các xã miền núi, thời hạn giải quyết được cộng thêm không quá 05 ngày)	<p>1. Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hải Dương:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với Tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá 	- Phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chi tiết tại Điểm 5, Mục I, Phụ biểu 1.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ; - Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề		<p>nhân nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư</p> <p>- Đối với Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam</p> <p>2. Bộ phận một cửa cấp huyện hoặc cấp xã:</p> <p>Đối với Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam</p>	- Lệ Phí đăng ký quy định cụ thể tại Điểm 2, Mục II, Phụ biểu 1	<p>- <i>Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính Phủ;</i></p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- <i>Thông tư 02/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</i></p> <p>- Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương;</p> <p>- Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh;</p> <p>- <i>Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.</i></p>
5	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	* Đối với tổ chức: 15 ngày làm việc đối với trường hợp tách	<p>1. Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hải Dương:</p> <p>- Đối với Tổ chức trong</p>	- Phí cấp giấy chứng nhận quyền sử	<p>- Luật đất đai năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		<p>thửa; 10 ngày làm việc đối với trường hợp hợp thửa.</p> <p>* Đối với hộ gia đình, cá nhân:</p> <p>15 ngày làm việc đối với trường hợp tách thửa do chuyển quyền một phần thửa đất; 12 ngày làm việc đối với trường hợp tách thửa; 10 ngày làm việc đối với trường hợp hợp thửa.</p> <p>(đối với các xã miền núi, thời hạn giải quyết được cộng thêm không quá 05 ngày)</p>	<p>nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư</p> <p>- Đối với Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam</p> <p>2. Bộ phận một cửa cấp huyện</p> <p>Đối với Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam</p>	<p>dụng đất chi tiết tại Điểm 5, Mục I, Phụ biểu 1.</p> <p>- Lệ Phí đăng ký quy định cụ thể tại Điểm 2, Mục II, Phụ biểu 1</p>	<p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính Phủ;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.</p> <p>- Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 của UBND tỉnh. - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.
6	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	<p>* Đối với tổ chức: 07 ngày làm việc đối với trường hợp đơn lẻ; 20 ngày làm việc đối với trường hợp cấp đổi đồng loạt</p> <p>* Đối với hộ gia đình, cá nhân: 07 ngày làm việc đối với trường hợp đơn lẻ; Trường hợp cấp đổi đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất: 30 ngày đối với trường hợp cấp đổi dưới 100 giấy chứng nhận; 50 ngày đối với trường hợp cấp đổi từ</p>	<p>1. Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hải Dương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với Tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư - Đối với Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam 	<ul style="list-style-type: none"> - Phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chi tiết tại Điểm 4, Mục I, Phụ biểu 1. - Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chi tiết tại Điểm 2, Điểm 3, Mục II, Phụ biểu 1. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; - Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ; - Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính Phủ; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Thông tư 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		100 giấy chứng nhận trở lên. (đối với các xã miền núi, thời hạn giải quyết được cộng thêm không quá 05 ngày)	2. Bộ phận một cửa cấp huyện hoặc cấp xã: Đối với Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương. - Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh. - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.
7	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	10 ngày làm việc (đối với các xã miền núi, thời hạn giải quyết được cộng thêm không quá 05 ngày)	1. Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hải Dương: - Đối với Tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư - Đối với Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; - Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ; - Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính Phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			<p>hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam thuộc thẩm quyền của Văn phòng đăng ký đất đai</p> <p>2. Bộ phận một cửa cấp huyện</p> <p>Đối với Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện</p>		<p>nguyên và Môi trường;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh.
8	<p>Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu</p>	<p>20 ngày làm việc (đối với các xã miền núi, thời hạn giải quyết được cộng thêm không quá 05 ngày)</p>	<p>1. Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hải Dương: đối với Tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, doanh</p>	<p>- Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chi tiết tại Tiết 1.2 Điểm 1;</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai năm 2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; - Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư 2. Bộ phận một cửa cấp huyện hoặc cấp xã: Đối với Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam	Tiết 2.2, Điểm 2; Điểm 3 Mục I, Phụ biểu 1. - Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chi tiết tại Điểm 1, Điểm 3, Mục II, Phụ biểu 1.	- Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính Phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 88/2016/TTLT-BTNMT-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài Chính; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					ngày 24/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương. - Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh. - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.
9	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	15 ngày làm việc (đối với các xã miền núi, thời hạn giải quyết được cộng thêm không quá 05 ngày)	1. Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hải Dương: Đối với Tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư Bộ phận một cửa cấp huyện hoặc cấp xã: Đối với Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư	- Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chi tiết tại Tiết 1.2 Điểm 1; Tiết 2.2, Điểm 2; Điểm 3 Mục I, Phụ biểu 1. - Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chi tiết tại	- Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; - Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ; - Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính Phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam	Điểm 1, Điểm 3, Mục II, Phụ biểu 1.	<p>ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài Chính – Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; - Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh. - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					dân tỉnh Hải Dương.
10	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu tài sản không đồng thời là người sử dụng đất	15 ngày làm việc (đối với các xã miền núi, thời hạn giải quyết được cộng thêm không quá 05 ngày)	<p>1. Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hải Dương: Đối với Tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư</p> <p>2. Bộ phận một cửa cấp huyện hoặc cấp xã: Đối với Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam</p>	<p>- Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chi tiết tại Điểm 3, Mục I, Phụ biểu 1.</p> <p>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chi tiết tại Điểm 3, Mục II, Phụ biểu 1.</p>	<p>- Luật số đất đai năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ ;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ</p> <p>- Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính Phủ;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài Chính – Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; - Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh. - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.
11	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	15 ngày làm việc (đối với các xã miền núi, thời hạn giải quyết được cộng thêm không quá 05 ngày)	1. Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hải Dương: Đối với Tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư	- Phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chi tiết tại Điểm 3, Mục I, Phụ biểu 1. - Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	- Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ ; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ ; - Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ - Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính Phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			<p>2. Bộ phận một cửa cấp huyện hoặc cấp xã: Đối với Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam</p>	chi tiết tại Điểm 3, Mục II, Phụ biểu 1.	Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài Chính – Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của Hội đồng nhân

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					dân tỉnh Hải Dương; - Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh. - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.
12	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở và trong các dự án kinh doanh bất động sản không phải	10 ngày làm việc (đối với các xã miền núi, thời hạn giải quyết được cộng thêm không quá 05 ngày)	1. Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hải Dương: - Đối với Tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư - Đối với Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại	- Phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chi tiết tại Điểm 5, Mục I, Phụ biểu 1. - Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chi tiết tại Điểm 2; Điểm 3, Mục II, Phụ biểu 1.	- Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ ; - Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ; - Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ; - Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính Phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	dự án phát triển nhà ở		Việt Nam 2. Bộ phận một cửa cấp huyện: - Đối với Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam		nguyên và Môi trường; - Thông tư số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài Chính – Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương. - Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh. - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.
13	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn	10 ngày làm việc (đối với các xã miền núi, thời hạn giải quyết được cộng thêm không quá 05 ngày)	1. Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hải Dương - Đối với Tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư,	- Phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chi tiết tại Điểm 5, Mục I, Phụ	- Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; - Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	<p>liên với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định.</p>		<p>tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư</p> <p>- Đối với Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam</p> <p>2. Bộ phận một cửa cấp huyện hoặc cấp xã:</p> <p>Đối với Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam</p>	<p>biểu 1.</p> <p>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chi tiết tại Điểm 2, Điểm 3, Mục II, Phụ biểu 1.</p>	<p>18/12/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính Phủ;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> <p>- Thông tư số 88/2016/TTLT-BTNMT-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài Chính</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương - Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh. - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.
14	<p>Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển</p>	<p>08 ngày làm đổi với trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà bên góp vốn chuyển toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho bên nhận góp vốn mà xác nhận nội dung biến động vào GCN đã cấp.</p>	<p>1. Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hải Dương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với Tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư - Đối với Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở 	<ul style="list-style-type: none"> - Phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chi tiết tại Điểm 5, Mục I, Phụ biểu 1. - Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chi tiết tại Điểm 2, Điểm 3, Mục II, Phụ biểu 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; - Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ; - Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính Phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	<p>quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tặng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận</p>	<p>10 ngày làm việc đối với trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà bên góp vốn chuyển toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho bên nhận góp vốn mà cấp mới GCN</p> <p>03 ngày làm việc đối với trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.</p> <p>05 ngày làm việc đối với trường hợp chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản</p>	<p>hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam</p> <p>2. Bộ phận một cửa cấp huyện hoặc cấp xã:</p> <p>Đối với Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam</p>	1.	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 88/2016/TTLT-BTNMT-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài Chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương. - Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh. - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		<p>gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng.</p> <p>Trường hợp người sử dụng đất chết trước khi nhận giấy chứng nhận, thời hạn giải quyết được cộng thêm không quá 05 ngày, không kể thời gian giải quyết thừa kế theo quy định của pháp luật về thừa kế.</p> <p>(đối với các xã miền núi, thời hạn giải quyết được cộng thêm không quá 05 ngày)</p>			ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.
15	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm.	30 ngày làm việc (đối với các xã miền núi, thời hạn giải quyết được cộng thêm không quá 05 ngày)	1. Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hải Dương: Đối với Tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá	- Phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chi tiết tại Điểm 1, Điểm 2, Mục I, Phụ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ ; - Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			<p>nhân nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư;</p> <p>2. Bộ phận một cửa cấp huyện hoặc cấp xã:</p> <p>Đối với Hộ kinh doanh, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam</p>	<p>biểu 1.</p> <p>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chi tiết tại Điểm 1; Mục II, Phụ biểu 1.</p>	<p>18/12/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính Phủ;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư số 88/2016/TTLT-BTNMT-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài Chính;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.</p> <p>- Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh.</p> <p>- Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.
16	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền	10 ngày làm việc (đối với các xã miền núi, thời hạn giải quyết được cộng thêm không quá 05 ngày)	<p>1. Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hải Dương:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với Tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư - Đối với Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam <p>2. Bộ phận một cửa cấp huyện hoặc cấp xã:</p> <ul style="list-style-type: none"> Đối với Hộ gia đình, cá 	<ul style="list-style-type: none"> - Phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chi tiết tại Điểm 5, Mục I, Phụ biểu 1. - Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chi tiết tại Điểm 2; Điểm 3, Mục II, Phụ biểu 1. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ ; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; - Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ; - Nghị định 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính Phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp		nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam		<p>ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 88/2016/TTLT-BTNMT-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài Chính - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương. - Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh. - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.
17	Đăng ký biến động đối với	30 ngày làm (đối với các xã miền	1. Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hải Dương:	- Phí cấp giấy chứng nhận	- Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	trường hợp chuyên từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả Thời hạn thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	núi, thời hạn giải quyết được cộng thêm không quá 05 ngày)	<p>Đối với Tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư</p> <p>2. Bộ phận một cửa cấp huyện hoặc cấp xã:</p> <p>Đối với Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam</p>	<p>quyền sử dụng đất chi tiết tại Điểm 5, Mục I, Phụ biểu 1.</p> <p>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chi tiết tại Điểm 2; Mục II, Phụ biểu 1.</p>	<p>15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ ;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính Phủ;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư số 88/2016/TTLT-BTNMT-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài Chính;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					trường; - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương. - Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh. - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.
18	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	10 ngày làm việc (đối với các xã miền núi, thời hạn giải quyết được cộng thêm không quá 05 ngày)	1. Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hải Dương: - Đối với Tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư - Đối với Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư	- Phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chi tiết tại Điểm 4, Mục I, Phụ biểu 1. - Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chi tiết tại Điểm 2; điểm 3, Mục II,	- Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ ; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; - Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ; - Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính Phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			<p>ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam</p> <p>2. Bộ phận một cửa cấp huyện</p> <p>Đối với Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam</p>	Phụ biểu 1.	<p>nguyên và Môi trường;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; - Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh. - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.
19	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	07 ngày làm việc (đối với các xã miền núi, thời hạn giải quyết được cộng thêm không quá 05 ngày)	<p>1. Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hải Dương</p> <p>- Đối với Tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư,</p>	- Phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chi tiết tại Điểm 5, Mục I, Phụ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; - Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			<p>tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư</p> <p>- Đối với Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam</p> <p>2. Bộ phận một cửa cấp huyện hoặc cấp xã:</p> <p>Đối với Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam</p>	<p>biểu 1.</p> <p>- Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chi tiết tại Điểm 2; Mục II, Phụ biểu 1.</p>	<p>18/12/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính Phủ;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh. - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.
20	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	10 ngày làm việc (đối với các xã miền núi thì thời hạn trên được tăng thêm không quá 05 ngày).	1. Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hải Dương: Đối với Tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chi tiết tại Điểm 5, Mục I, Phụ biểu 1. - Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chi tiết tại Điểm 2; Mục II, Phụ biểu 1. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; - Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ; - Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính Phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 88/2016/TTLT-BTNMT-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài Chính - Thông tư 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương. - Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh. - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.
21	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	07 ngày làm việc (đối với các xã miền núi, thời hạn giải quyết được cộng thêm không quá 05 ngày)	1. Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hải Dương: Đối với Tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự	- Phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chi tiết tại Điểm 5, Mục I, Phụ biểu 1. - Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; - Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ; - Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			<p>án đầu tư</p> <p>2. Bộ phận một cửa cấp huyện:</p> <p>Đối với Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam</p>	<p>sử dụng đất chi tiết tại Điểm 2; MụcII, Phụ biểu1.</p>	<p>03/4/2023 của Chính Phủ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 88/2016/TTLTBTNMT-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường- Bộ Tài Chính - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 13/2020/NQHĐND ngày 24/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương - Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh. - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					dân tỉnh Hải Dương.
22	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	05 ngày làm việc (đối với các xã miền núi thì thời hạn trên được tăng thêm không quá 05 ngày).	1. Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hải Dương; Bộ phận một cửa cấp huyện hoặc cấp xã	- Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chi tiết tại Điểm 2; Mục II, Phụ biểu 1.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; - Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ; - Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính Phủ; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					ngày 24/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương. - Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh. - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.
23	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	07 ngày làm việc (đối với các xã miền núi, thời hạn giải quyết được cộng thêm không quá 05 ngày)	1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương	- Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chi tiết tại Điểm 2; Mục II, Phụ biểu 1.	- Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; - <i>Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính Phủ;</i> - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương. - Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh. - <i>Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.</i>
24	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	15 ngày làm việc (đối với các xã miền núi, thời hạn giải quyết được cộng thêm không quá 05 ngày)	1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương: Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Tổ chức được giao quản lý công trình công cộng; Tổ chức kinh tế được giao quản lý diện tích đất để thực hiện dự án đầu tư theo hình thức xây dựng -	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; - Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính Phủ; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			<p>chuyển giao và các hình thức khác theo quy định của pháp luật đầu tư; Tổ chức được giao quản lý đất có mặt nước của các sông và đất có mặt nước chuyên dùng; Tổ chức được giao quản lý quỹ đất đã thu hồi theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi</p> <p>2. Bộ phận một cửa cấp huyện hoặc cấp xã: Đối với Cộng đồng dân cư được giao đất quản lý</p>		<p>trường;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh.
25	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn	Không quy định	<p>1. Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hải Dương:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với Tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, doanh 	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ ; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; - Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	liên với đất phát hiện		<p>ngiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư</p> <p>- Đối với Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam</p> <p>2. Bộ phận một cửa cấp huyện hoặc cấp xã:</p> <p>Đối với Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính Phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Thông tư 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Phụ biểu 1**MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI**

(Theo Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số khoản phí, lệ phí đã được quy định tại Nghị quyết số 17/2016/ND-HĐND ngày 05/10/2016, Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018, Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020, Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương và Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24 /12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về điều chỉnh, bổ sung mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí trên địa bàn tỉnh Hải Dương)

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Cơ quan thu
I	PHÍ			
1	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu			
1.1	Thuộc thẩm quyền cấp huyện			Văn phòng đăng ký đất đai
1.1.1	Đất ở			
a	Phường, xã thuộc thành phố; phường thuộc thị xã	1 hồ sơ	200.000	
b	Khu vực còn lại	1 hồ sơ	100.000	
1.1.2	Đất sản xuất kinh doanh			
a	Phường, xã thuộc thành phố; phường thuộc thị xã			
	- Diện tích ≤ 0,01ha	1 hồ sơ	300.000	
	- Diện tích trên 0,01ha đến 0,03ha	1 hồ sơ	500.000	
	- Diện tích trên 0,03ha đến 0,05ha	1 hồ sơ	700.000	
	- Diện tích trên 0,05ha đến 0,1ha	1 hồ sơ	900.000	
	- Diện tích trên 0,1ha đến 0,5ha	1 hồ sơ	1.200.000	

	- Diện tích trên 0,5ha đến 1ha	1 hồ sơ	1.500.000	
	- Diện tích trên 1ha đến 5ha	1 hồ sơ	2.000.000	
	- Diện tích trên 5ha	1 hồ sơ	2.500.000	
b	Khu vực còn lại			
	- Diện tích $\leq 0,01$ ha	1 hồ sơ	200.000	
	- Diện tích 0,01ha đến 0,03ha	1 hồ sơ	400.000	
	- Diện tích trên 0,03ha đến 0,05ha	1 hồ sơ	600.000	
	- Diện tích trên 0,05ha đến 0,1ha	1 hồ sơ	800.000	
	- Diện tích trên 0,1ha đến 0,5ha	1 hồ sơ	1.000.000	
	- Diện tích trên 0,1ha đến 0,5ha	1 hồ sơ	1.200.000	
	- Diện tích trên 1ha đến 5ha	1 hồ sơ	1.500.000	
	- Diện tích trên 5ha	1 hồ sơ	2.000.000	
1.2	Thuộc thẩm quyền cấp tỉnh			Văn phòng đăng ký đất đai
1.2.1	Phường, xã thuộc thành phố; phường thuộc thị xã			
	- Diện tích $\leq 0,01$ ha	1 hồ sơ	400.000	
	- Diện tích trên 0,01ha đến 0,03ha	1 hồ sơ	600.000	
	- Diện tích trên 0,03ha đến 0,05ha	1 hồ sơ	800.000	
	- Diện tích trên 0,05ha đến 0,1ha	1 hồ sơ	1.000.000	
	- Diện tích trên 0,1ha đến 0,5ha	1 hồ sơ	1.400.000	

	- Diện tích trên 0,5ha đến 1ha	1 hồ sơ	1.700.000	
	- Diện tích trên 1ha đến 5ha	1 hồ sơ	2.200.000	
	- Diện tích trên 5ha	1 hồ sơ	2.700.000	
1.2.2	Khu vực còn lại			
	- Diện tích \leq 0,01ha	1 hồ sơ	300.000	
	- Diện tích trên 0,01ha đến 0,03ha	1 hồ sơ	500.000	
	- Diện tích trên 0,03ha đến 0,05ha	1 hồ sơ	700.000	
	- Diện tích trên 0,05ha đến 0,1ha	1 hồ sơ	900.000	
	- Diện tích trên 0,1ha đến 0,5ha	1 hồ sơ	1.300.000	
	- Diện tích trên 0,5ha đến 1ha	1 hồ sơ	1.500.000	
	- Diện tích trên 1ha đến 5ha	1 hồ sơ	1.800.000	
	- Diện tích trên 5ha	1 hồ sơ	2.200.000	
2	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu			
2.1	Thuộc thẩm quyền cấp huyện			Văn phòng đăng ký đất đai
2.1.1	Đất ở			
	- Phường, xã thuộc thành phố; phường thuộc thị xã	1 hồ sơ	300.000	
	- Khu vực còn lại	1 hồ sơ	150.000	
2.1.2	Đất sản xuất kinh doanh			

a	Phường, xã thuộc thành phố; phường thuộc thị xã			
	- Diện tích $\leq 0,01$ ha	1 hồ sơ	400.000	
	- Diện tích trên 0,01ha đến 0,03ha	1 hồ sơ	600.000	
	- Diện tích trên 0,03ha đến 0,05ha	1 hồ sơ	800.000	
	- Diện tích trên 0,05ha đến 0,1ha	1 hồ sơ	1.200.000	
	- Diện tích trên 0,1ha đến 0,5ha	1 hồ sơ	1.500.000	
	- Diện tích trên 0,5ha đến 1ha	1 hồ sơ	2.000.000	
	- Diện tích trên 1ha đến 5ha	1 hồ sơ	2.400.000	
	- Diện tích trên 5ha	1 hồ sơ	2.600.000	
b	Khu vực còn lại			
	- Diện tích $\leq 0,01$ ha	1 hồ sơ	300.000	
	- Diện tích trên 0,01ha đến 0,03ha	1 hồ sơ	500.000	
	- Diện tích trên 0,03ha đến 0,05ha	1 hồ sơ	700.000	
	- Diện tích trên 0,05ha đến 0,1ha	1 hồ sơ	1.000.000	
	- Diện tích trên 0,1ha đến 0,5ha	1 hồ sơ	1.300.000	
	- Diện tích trên 0,5ha đến 1ha	1 hồ sơ	1.600.000	
	- Diện tích trên 1ha đến 5ha	1 hồ sơ	2.000.000	
	- Diện tích trên 5ha	1 hồ sơ	2.300.000	
2.2	Thuộc thẩm quyền cấp tỉnh			Văn phòng đăng ký đất đai

2.2.1	Phường, xã thuộc thành phố; phường thuộc thị xã			
	- Diện tích $\leq 0,01$ ha	1 hồ sơ	500.000	
	- Diện tích trên 0,01ha đến 0,03ha	1 hồ sơ	700.000	
	- Diện tích trên 0,03ha đến 0,05ha	1 hồ sơ	1.000.000	
	- Diện tích trên 0,05ha đến 0,1ha	1 hồ sơ	1.400.000	
	- Diện tích trên 0,1ha đến 0,5ha	1 hồ sơ	1.700.000	
	- Diện tích trên 0,5ha đến 1ha	1 hồ sơ	2.200.000	
	- Diện tích trên 1ha đến 5ha	1 hồ sơ	2.600.000	
	- Diện tích trên 5ha	1 hồ sơ	2.800.000	
2.2.2	Khu vực còn lại			
	- Diện tích $\leq 0,01$ ha	1 hồ sơ	400.000	
	- Diện tích trên 0,01ha đến 0,03ha	1 hồ sơ	600.000	
	- Diện tích trên 0,03ha đến 0,05ha	1 hồ sơ	900.000	
	- Diện tích trên 0,05ha đến 0,1ha	1 hồ sơ	1.200.000	
	- Diện tích trên 0,1ha đến 0,5ha	1 hồ sơ	1.500.000	
	- Diện tích trên 0,5ha đến 1ha	1 hồ sơ	1.800.000	
	- Diện tích trên 1ha đến 5ha	1 hồ sơ	2.200.000	
	- Diện tích trên 5ha	1 hồ sơ	2.500.000	
3	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	1 hồ sơ	Bằng 80% mức thu quy	Văn phòng đăng ký đất đai

	trong trường hợp chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp		định của phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	
4	Phí cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	1 hồ sơ	Bằng 50 % cấp lần đầu	Văn phòng đăng ký đất đai
5	Đăng ký biến động (trừ các trường hợp quy định tại mục 3)			Văn phòng đăng ký đất đai
5.1	- Trường hợp xác nhận thay đổi vào giấy chứng nhận đã cấp quy định tại Khoản 1, Điều 17 Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường	1 hồ sơ	Bằng 80% cấp lần đầu	
5.2	- Trường hợp đăng ký biến động được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại Khoản 2, Điều 17 Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường	1 hồ sơ	Bằng 100% cấp lần đầu	
II	LỆ PHÍ			Văn phòng đăng ký đất đai
1	Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất lần đầu			
1.1	Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất	đ/giấy		

	- Hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh	-	25.000	
	- Hộ gia đình, cá nhân tại khu vực còn lại	-	13.000	
	- Tổ chức			
	+ Dưới 500m ²	-	60.000	
	+ Từ 500m ² đến dưới 1000m ²	-	80.000	
	- Từ 1000m ² trở lên	-	100.000	
1.2	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất			
	- Hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh	đ/giấy	80.000	
	- Hộ gia đình, cá nhân tại khu vực còn lại	-	40.000	
	- Tổ chức			
	+ Dưới 500m ²	đ/giấy	250.000	
	+ Từ 500m ² đến dưới 1000m ²	-	300.000	
	+ Từ 1000m ² trở lên	-	400.000	
2	Lệ phí cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận			
2.1	Cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận, xác nhận bổ sung chỉ về đất			
	- Hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh	đ/lần	20.000	

	- Hộ gia đình, cá nhân tại khu vực còn lại	đ/lần	10.000	
	- Tổ chức			
	+ Dưới 500m ²	đ/lần	20.000	
	+ Từ 500m ² đến dưới 1000m ²	-	20.000	
	+ Từ 1000m ² trở lên	-	20.000	
2.2	Cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất			
	- Hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh	đ/lần	20.000	
	- Hộ gia đình, cá nhân tại khu vực còn lại	-	10.000	
	- Tổ chức			
	+ Dưới 500m ²	đ/lần	30.000	
	+ Từ 500m ² đến dưới 1000m ²	-	40.000	
	+ Từ 1000m ² trở lên	-	50.000	
3	Trường hợp cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất (kể cả cấp lần đầu, cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung) thì mức thu bằng mức thu khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất			
III.	Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai			Văn phòng đăng ký đất đai
1	Hồ sơ giao đất/thu hồi đất/thuê đất/cấp GCNQSD đất	Hồ sơ	150.000	

a	Hồ sơ về đất đai khác: Hồ sơ thanh tra đất đai hoặc khiếu nại đất đai; hồ sơ điều tra về giá đất; hồ sơ bồi thường giải phóng mặt bằng.	Hồ sơ	60.000	
b	Tài liệu quy hoạch	Điểm	70.000	
c	Biểu thống kê các loại đất	Tờ	30.000	
d	Bản sao tài liệu Khổ A4	Tờ	2.000	
e	Bản sao tài liệu Khổ A3	Tờ	3.000	
2	Tra cứu thông tin (không bao gồm chi phí in, sao chụp tài liệu)			
a	Cá nhân	Hồ sơ	20.000	
b	Tổ chức	Hồ sơ	150.000	
3	Bản đồ quy hoạch, hiện trạng sử dụng đất			
a	Bản đồ giấy in màu (đã bao gồm phí in, sao chụp tài liệu)			
	Bản đồ tỷ lệ 1/5.000; 1/10.000; 1/25.000	Mảnh	290.000	
	Bản đồ tỷ lệ 1/50.000; 1/100.000	Mảnh	320.000	
b	Bản đồ số dạng Vector			
	Bản đồ tỷ lệ 1/5000	Lớp/mảnh	145.000	
	Bản đồ tỷ lệ 1/10.000	Lớp/mảnh	160.000	
	Bản đồ tỷ lệ 1/25.000	Lớp/mảnh	180.000	
	Bản đồ tỷ lệ 1/50.000	Lớp/mảnh	197.000	
	Bản đồ tỷ lệ 1/100.000	Lớp/mảnh	220.000	

c	Bản đồ số dạng Raster			
	Mức thu bằng 50% bản đồ số dạng Vector cùng tỷ lệ			
4	Bản đồ chuyên đề			
a	Bản đồ giấy in màu (đã bao gồm phí in, sao chụp tài liệu)			
	Bản đồ chuyên đề cấp tỉnh	Mảnh	250.000	
	Bản đồ chuyên đề cấp huyện	Mảnh	195.000	
	Bản đồ chuyên đề cấp xã	Mảnh	110.000	
b	Bản đồ số dạng Vector			
	Bản đồ tỷ lệ 1/5000	Lớp/ mảnh	145.000	
	Bản đồ tỷ lệ 1/10.000	Lớp/ mảnh	160.000	
	Bản đồ tỷ lệ 1/25.000	Lớp/ mảnh	180.000	
	Bản đồ tỷ lệ 1/50.000	Lớp/ mảnh	197.000	
	Bản đồ tỷ lệ 1/100.000	Lớp/ mảnh	220.000	
c	Bản đồ số dạng Raster			
	Mức thu bằng 50% bản đồ số dạng Vector cùng tỷ lệ			
5	Bản đồ địa chính			
a	Bản đồ giấy in đen trắng (đã bao gồm phí in, sao chụp tài liệu)			
	Tỷ lệ 1/200; 1/500; 1/1000	Mảnh	35.000	
	Tỷ lệ 1/2000; 1/5000; 1/10000	Mảnh	40.000	

b	Bản đồ số dạng Vector			
	Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/200	Mảnh	250.000	
	Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500	Mảnh	300.000	
	Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000	Mảnh	350.000	
	Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000	Mảnh	390.000	
	Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/5000	Mảnh	390.000	
	Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10.000	Mảnh	390.000	
c	Bản đồ số dạng Raster			
	Mức thu bằng 50% bản đồ số dạng Vector cùng tỷ lệ			
d	Trích lục thửa đất			
	<i>- Đối với 1 thửa đất</i>			
	+ Trích lục từ bản đồ địa chính dạng số	Thửa	65.000	
	+ Trích lục từ bản đồ địa chính dạng giấy	Thửa	83.000	
	<i>- Đối với 1 khu đất dưới 5 thửa đất</i>			
	+ Trích lục từ bản đồ địa chính dạng số	Thửa	52.000	
	+ Trích lục từ bản đồ địa chính dạng giấy	Thửa	67.00	
	<i>- Đối với 1 khu đất trên 5 thửa đất</i>			
	+ Trích lục từ bản đồ địa chính dạng số	Thửa	42.000	
	+ Trích lục từ bản đồ địa chính dạng giấy	Thửa	54.000	